

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng
- Ông Lê Hùng Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 165/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Ka H, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã 2, huyện HN, tỉnh ĐT. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trương Hoài Thanh V (tên gọi khác: B), sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã 2, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị Tuyết M, sinh năm 1955. Địa chỉ cư trú: ấp 2, xã 2, huyện HN, tỉnh ĐT. Có mặt nhưng vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn chị Ka H, trình bày: Chị và anh V cưới nhau vào ngày 11/11/2016, không có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện HN, tỉnh ĐT. Hôn nhân do quen biết trước. Sau khi cưới chị và anh V cùng sinh sống bên gia đình anh V, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân anh V thường xuyên đánh chị, khi anh V đánh chị thì chị không có báo chính quyền địa phương. Ngoài ra, vợ chồng không còn mâu thuẫn nào khác. Chị và anh V không còn sống chung từ tháng 8 năm 2022 cho đến nay, vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình, cũng không có gọi điện để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Trương Hoài Thanh V.

Bị đơn anh Trương Hoài Thanh Vũ, trình bày: Anh không nhớ ngày tháng năm cưới nhau với chị H, không có làm đám cưới, chỉ nhớ vợ chồng về chung sống cách nay được 11 năm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện HN, tỉnh ĐT. Hôn nhân do quen biết trước được 01 tháng. Sau khi cưới anh và chị Ka H về xã 2, huyện HN thì cha ruột anh cất nhà cho vợ chồng anh ở, đất cất nhà là ở đầu của cha mẹ anh, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến ngày 01/10/2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do con chung Trương Gia H bị bệnh, nhập viện, lúc đó anh và chị H cùng đi làm ở Bình Dương nên anh về quên nuôi con bệnh, chị H ở Bình Dương uống rượu thì anh có điện la rầy và nói “con bệnh sao không lo”, anh nghe người ở trọ kể lại, sau khi chị H uống rượu thì có quan hệ tình cảm với người khác và còn bị trầy mắt. Sáng ngày 01/10/2022 thì chị H bỏ nhà trọ đi, anh lên tìm không thấy chị H cũng không liên lạc được với chị H, chỉ biết chị H thuê nhà trọ để chung sống với người đàn ông khác (không rõ họ tên, năm sinh, địa chỉ cư trú), rồi người đàn ông chung sống với chị H gọi điện thoại kêu anh đưa 2.000.000đ để trả tiền nhà trọ thì người đó sẽ kêu chị H trở về với anh. Anh kêu người đàn ông đó cho anh số tài khoản để anh chuyển tiền thì người đó nói với anh phải đưa đủ 30.000.000đ thì mới cho chị H về, còn nói với anh là chị H đem theo bao nhiêu tiền nữa anh mới nói là đem 8.600.000đ và 39.000.000đ tiền bảo hiểm. Ngoài ra, vợ chồng không còn mẫu nào khác. Việc chị H khai anh đánh chị H, chị H gửi tiền về thì mẹ ruột của anh là bà Phạm Thị Tuyết M mới cho chị H gặp mặt hai con chung là không đúng. Tại phiên tòa anh V thống nhất ly hôn. Sau đó, lại trình bày nếu chị H muốn ly hôn với anh thì phải đến Tòa án, đưa lại cho anh số tiền mà chị đã đem đi thì anh đồng ý ký tên ly hôn. Nếu chị H không đưa lại số tiền đã mang đi thì anh không đồng ý ký tên ly hôn. Nếu chị H về chung sống với anh thì anh đồng ý tha thứ, đoàn tụ với chị H để lo cho con chung.

2. Về việc nuôi con:

Nguyên đơn chị Ka H, trình bày: Chị và anh V chung sống có 02 con chung: Con gái Trương Thị Cẩm N, sinh ngày 20/01/2014 và con trai Trương Gia H, sinh ngày 11/7/2021. Hiện hai con chung đang sống cùng anh V và mẹ chồng tên Phạm Thị Tuyết M từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay. Chị không có bỏ con chung cho anh V nuôi dưỡng, do anh V đánh chị, không cho chị đem con chung theo. Chị thống nhất giao hai con chung cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Khi con chung ở với mẹ chồng và anh V thì hàng tháng chị gửi 5.500.000đ cho mẹ chồng, nếu chị không gửi tiền về thì mẹ chồng không cho chị gặp con chung. Chị làm công nhân may, lương mỗi tháng 6.000.000đ, trừ chi phí sinh hoạt cá nhân còn 5.000.000đ. Anh V làm hồ, thu nhập mỗi ngày được 500.000đ. Anh V yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ thì chị không đồng ý với lý do là anh V nhiều lần đến quấy phá tại Công ty nơi chị đang làm việc nên chị bị Công ty sa thải, dẫn đến chị thất nghiệp.

Bị đơn anh Trương Hoài Thanh V, trình bày: Hiện hai con chung đang sinh sống cùng anh và mẹ anh là bà Phạm Thị Tuyết M. Hai con chung sống chung với bà M từ khi sinh ra cho đến nay. Khi con chung ở với bà M thì tháng rưỡi anh và chị H gửi cho bà M được 5.000.000đ bao gồm tiền sữa, tiền ăn uống, chi phí khi bệnh thì vợ chồng không gửi tiền về nữa. Anh đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, anh yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho hai con chung, cho đến khi đủ 18 tuổi. Hiện anh làm thợ hồ, thu nhập mỗi ngày được 500.000đ, trừ chi phí sinh hoạt cá nhân thì còn dư 350.000đ. Chị H làm công ty may thu nhập mỗi tháng được 5.800.000đ. Tòa án có yêu cầu anh đem con chung Cẩm N đến Tòa án để hỏi nguyện vọng là Cẩm N muốn sống với ai thì anh không đồng ý, vì con chung đang đi học, nếu muốn anh đem con chung Cẩm N đến Tòa án thì phải có mặt chị H, anh mới đem. Tại phiên tòa anh V trình bày hàng tháng chỉ có một mình anh V gửi tiền về cho bà M từ 1.200.000đ đến 1.300.000đ để mua sữa cho hai con chung và tự nguyện thống nhất không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung:

Nguyên đơn chị Ka H, trình bày: Chị và anh V chung sống không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại đơn đề nghị ngày 21/11/2022 và đơn tường trình ngày 19/10/2022 chị H, trình bày: Anh V yêu cầu chị trả số tiền 8.600.000đ và 39.000.000đ cho anh V đó là tiền cá nhân, không liên quan đến anh V, chị thật sự có đem theo 8.000.000đ là tiền lương của chị làm tại công ty, 39.000.000đ là tiền bảo hiểm của chị nhưng chị chưa được bảo hiểm trả nên không đồng ý trả cho anh V, trước đây chị về sống với anh V cũng có số tiền là

89.000.000đ chị đưa cho anh V và từ đó đến nay chị làm lương từ công ty cũng đưa cho anh V, anh V đã không lo làm ăn và dùng số tiền chị kiếm được đi đánh bài bạc, chơi đá gà, còn phía mẹ chồng bà Phạm Thị Tuyết M có đơn buộc chị phải đưa tiền cho bà M để bà M nuôi hai con chung của chị thì chị không đồng ý, nếu không nuôi thì giao con cho chị nuôi chứ chị không trả bất cứ tiền gì cho bà M và anh V.

Bị đơn anh Trương Hoài Thanh V, trình bày: Chị H khi bỏ nhà đi đem theo 8.600.000đ và 39.000.000đ là tiền lương và tiền bảo hiểm của chị H, tổng cộng 47.600.000đ là tài sản chung của vợ chồng, vì khi anh và chị H còn sống chung mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình như tiền gửi về quê cho hai con chung, tiền nhà trọ, tiền ăn đều do anh lo hết, mỗi sáng chị H đi làm anh đều đưa cho chị H 100.000đ nên tiền lương và tiền bảo hiểm của chị H khi bỏ nhà đi đem theo là tài sản chung của vợ chồng và anh yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong quá trình tiến hành tố tụng cũng như tại phiên tòa Thẩm phán đã nhiều lần giải thích, hướng dẫn anh là nếu yêu cầu chia tài sản chung thì phải làm đơn yêu cầu chị H trả lại toàn bộ số tiền hay chia đôi số tiền mà chị H đã đem theo và phải nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản theo quy định nếu không thuộc trường hợp được miễn tiền tạm ứng án phí thì anh không đồng ý, vì chị H nộp đơn ly hôn thì chị H phải chịu trách nhiệm đóng phí, anh không đồng ý đóng phí. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản nào khác.

4. Về nợ chung:

Nguyên đơn chị Ka H, trình bày: Chị và anh V chung sống không có thiếu nợ ai, cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Hoài Thanh V, trình bày: Anh và chị Ka H có vay của Ngân hàng FE, không rõ tên đầy đủ của Ngân hàng, địa chỉ ở đâu, vay với số tiền bao nhiêu không nhớ, giấy tờ vay tiền không còn giữ, đã bị mất, anh trả cho Ngân hàng cũng được 10 lần, với số tiền bao nhiêu không nhớ. Chị H yêu cầu ly hôn thì một mình chị H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

Tại tờ tường trình ngày 17/10/2022 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Tuyết M, trình bày: Bà là mẹ ruột anh V, mẹ chồng chị Ka H. Bà thấy vợ chồng anh V làm vất vả nên trông giữ hai con chung của anh V, không có yêu cầu vợ chồng anh V gửi tiền về nuôi con, chỉ có nói bà già rồi, không làm gì ra tiền, vợ chồng chị H cho bà bao nhiêu thì cho. Chị Ka H gửi hai đứa con Trương Thị Cẩm N 8 tuổi, Trương Gia H 12 tháng, mỗi tháng 3.000.000đ ngày gửi 30/7/2022 đến nay không có đồng nào, bỏ đi theo người khác, nay trở về đòi ly dị con bà phải trả tiền gửi hai con chung cho đến ngày ký tờ ly dị.

Việc chị H trình bày là chị H gửi tiền về thì bà mới cho chị H thăm hai con chung là không đúng, con trai bà không có đánh vợ, rất thương vợ, chị H toàn đánh con trai của bà, con bà rất hiền. Trước khi ở với anh V thì chị H đã có đời chồng trước, chị H còn đem con cho người ta, chị H ở với con trai bà thì đã 03 lần chị H bỏ đi theo người khác. Khi nào chị H trả lại tiền cho anh V thì bà mới cho anh V ký giấy ly hôn. Việc Tòa án hướng dẫn bà làm đơn yêu cầu chị H trả lại tiền chăm sóc nuôi dưỡng hai cháu nội thì do bà lớn tuổi, không biết chữ nhiều nên bà không đồng ý làm đơn.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án theo đúng các quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng bà Phạm Thị Tuyết M không chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh Trương Hoài Thanh V. Về nuôi con chung: Giao hai con chung Trương Thị Cẩm N, sinh ngày 20/01/2014 và Trương Gia H, sinh ngày 11/7/2021 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con do anh V tự nguyện không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không đề cập đến.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Ka H có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện HN yêu cầu giải quyết ly hôn giữa chị với anh Trương Hoài Thanh V. Hiện anh V đang cư trú tại ấp 3, xã 2, huyện HN, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện HN, tỉnh ĐT theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Ka H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa chị Ka H và anh Trương Hoài Thanh V được pháp luật công nhận. Vì, có đăng ký kết hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số 90 ngày 11/11/2016 tại Ủy ban nhân dân xã 2, huyện HN, tỉnh ĐT là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Hội đồng xét xử nhận thấy, chị Ka H và anh Trương Hoài Thanh V đều thừa nhận vợ chồng chung sống có mâu thuẫn và không sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2022 cho đến nay và vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Xét, trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ sống chung cùng nhau, khi Tòa án tiến hành hòa giải cho chị H, anh V được đoàn tụ nhưng chị H đã làm đơn xin vắng mặt và không yêu cầu Tòa án hòa giải, vì chị H cương quyết ly hôn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/11/2022 cũng như tại phiên tòa anh Trương Hoài Thanh V, lúc thì trình bày nếu chị H muốn ly hôn với anh thì phải đến Tòa án, đưa lại cho anh số tiền mà chị H đã đem đi thì anh đồng ý ký tên ly hôn, nếu chị H không đưa lại số tiền đã mang đi thì anh không đồng ý ký tên ly hôn, lúc thì thống nhất ly hôn với chị H. Điều này, cho thấy hôn nhân giữa chị H, anh V không thể hàn gắn được, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu ly hôn với anh V là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Ka H được ly hôn với anh Trương Hoài Thanh V là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về việc nuôi con: Chị Ka H và anh Trương Hoài Thanh V thống nhất trình bày: Anh chị chung sống có hai con chung, con gái Trương Thị Cẩm N, sinh ngày 20/01/2014 và con trai Trương Gia H, sinh ngày 11/7/2021 và hiện đang sinh sống cùng anh V ổn định. Chị H thống nhất giao hai con chung cho anh V nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy con chung Cẩm N đã đủ 08 tuổi nhưng anh V không đồng ý cho con chung Cẩm N đến Tòa án để trình bày nguyện vọng của mình là sống cùng anh V hay chị H. Tuy nhiên, anh V cũng đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, nghĩ nên tiếp tục giao con chung Cẩm N và Gia H cho anh V được tiếp tục trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là đảm bảo tốt về quyền lợi mọi mặt và phát triển bình thường của con chung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ka H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V tự nguyện không yêu cầu.

[7] Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[8] Về chia tài sản chung: Trong quá trình tiến hành tố tụng anh V cho rằng chị H khi bỏ nhà đi đã đem theo số tiền 47.600.000đ là tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, chị H không thừa nhận tiền chị mang theo là tài sản chung của vợ chồng mà là tài sản riêng của chị H. Mặt khác, anh V không đồng ý làm đơn yêu cầu chia tài sản chung và nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[9] Về nợ chung: Chị H trình bày, chị và anh V chung sống không có thiếu nợ ai nhưng anh V lại trình bày vợ chồng khi còn sống chung có vay tiền của Ngân hàng nhưng anh không nhớ tên, địa chỉ của Ngân hàng, cũng không nhớ vay, nợ số tiền cụ thể bao nhiêu. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến, nếu sau này có tranh chấp thì sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[10] Việc bà Phạm Thị Tuyết M, trình bày yêu cầu chị Ka H trả cho bà M chi phí đã chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Cẩm N và Gia H. Tuy nhiên, Tòa án đã ra thông báo và nhiều lần hướng dẫn bà M làm đơn yêu cầu độc lập, cụ thể yêu cầu chị Ka H trả cho bà M số tiền chăm sóc hai con chung bao nhiêu tháng với số tiền cụ thể là bao nhiêu và làm đơn đề nghị Tòa án miễn nộp tiền tạm ứng án phí, vì bà M thuộc trường hợp người cao tuổi nhưng bà M không đồng ý làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật mà chỉ trình bày. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[11] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HN là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[12] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Ka H chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0004047 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9,

khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Ka H. Cho chị Ka H được ly hôn với anh Trương Hoài Thanh V.

2. Về việc nuôi con:

2.1 Giao con chung Trương Thị Cẩm N, sinh ngày 20/01/2014 và Trương Gia H, sinh ngày 11/7/2021 cho anh Trương Hoài Thanh V được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2 Chị Ka H không phải cấp dưỡng nuôi con do anh V tự nguyện không yêu cầu.

2.3 Sau khi ly hôn, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị H.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Ka H chịu 300.000đ án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo lai thu số 0004047 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện HN.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 11 tháng 01 năm 2023). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện HN;
- Lưu hồ sơ, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Thùy Dung